

Số: 17/2012/QĐ-UBND

Cần Thơ, ngày 26 tháng 7 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Quy định tạm thời mức thu một số dịch vụ kỹ thuật mới và mức thu tạm thời một số dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BYT-BTC ngày 29 tháng 02 năm 2012 của liên Bộ Y tế - Bộ Tài chính về việc ban hành mức tối đa khung giá một số dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 06/2012/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2012 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ quy định tạm thời mức thu một số dịch vụ kỹ thuật mới trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn thành phố Cần Thơ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định tạm thời mức thu một số dịch vụ kỹ thuật mới và mức thu tạm thời một số dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước, cụ thể như sau:

1. Mức thu khám bệnh theo yêu cầu:

- Khám bệnh theo yêu cầu: 40.000 đồng/lần khám;
- Khám bệnh vào ngày nghỉ, ngày lễ, ngày tết và ngoài giờ hành chính: 30.000 đồng/lần khám.

2. Mức thu ngày giường bệnh theo yêu cầu:

Đơn vị tính: đồng

LOẠI PHÒNG	CÓ MÁY LẠNH	KHÔNG CÓ MÁY LẠNH
	1 giường/ngày	1 giường/ngày
1 giường	300.000	250.000
2 giường	240.000	200.000
3 giường	200.000	150.000
4 giường	150.000	100.000

5 giường	120.000	80.000
----------	---------	--------

3. Mức thu một số dịch vụ kỹ thuật theo yêu cầu: bằng 1,5 lần so với giá thu các loại dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đã được phê duyệt theo đúng quy định hiện hành.

4. Quy định tạm thời mức thu một số dịch vụ kỹ thuật mới (đính kèm Phụ lục mức thu các dịch vụ kỹ thuật mới).

Điều 2.

1. Giao Giám đốc Sở Y tế chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, ban, ngành có liên quan hướng dẫn các cơ sở khám, chữa bệnh do địa phương quản lý tổ chức thực hiện theo đúng quy định; đồng thời, thường xuyên kiểm tra, thanh tra và đôn đốc các cơ sở nghiêm túc thực hiện.

2. Thực hiện các chính sách miễn, giảm trong khám bệnh, chữa bệnh theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực thi hành từ ngày **01 tháng 8 năm 2012**, đăng Báo Cần Thơ chậm nhất là 05 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng cơ quan, ban ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thanh Sơn

PHỤ LỤC:

MỨC THU CÁC DỊCH VỤ KỸ THUẬT MỚI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 17/2012/QĐ-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

STT	Tên danh mục dịch vụ kỹ thuật mới	Loại PT	Giá thu (đồng)	Ghi chú
I	DỊCH VỤ KỸ THUẬT CÓ TÊN THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 23/2005/QĐ-BYT NGÀY 30/8/2005			
	PHẪU THUẬT			
1	Phẫu thuật nội soi nạo VA (gây mê)	III	948.000	
	THỦ THUẬT			
2	Điều trị ung thư bằng nguồn áp sát	ĐB	1.552.000	
	KỸ THUẬT			
3	Test nhanh NS1/IgM/IgG		136.000	

II	DỊCH VỤ KỸ THUẬT MỚI			
	PHẪU THUẬT			
4	Điều trị bớt sắc tố, chứng tăng sắc tố bằng Laser YAG	I	450.000	
5	Điều trị u máu, dẫn mạch, chứng đỏ da bằng Laser YAG	I	502.000	
6	Điều trị sẹo lõm bằng Laser CO ₂ siêu xung	I	400.000	
7	Tái tạo da mặt bằng Laser CO ₂ siêu xung	I	390.000	
8	Mài da mặt bằng Laser CO ₂ siêu xung	I	390.000	
9	Điều trị sẹo xấu bằng Laser CO ₂	I	400.000	
10	Cắt amidan dùng dao điện hoặc Laser (gây mê)	III	1.060.000	
11	Phẫu thuật thoát vị môi lớn	II	1.410.000	
12	Treo Bàng quang	IIA	1.690.000	
13	Lấy thai trên bệnh nhân tiền sản giật	IB	2.412.000	
14	Bóc nhân xơ tử cung qua nội soi	I	3.174.000	
15	Bóc nhân tuyến giáp qua nội soi	I	2.510.000	
16	Cắt toàn bộ tuyến giáp qua nội soi	I	3.450.000	
17	Cắt nang thận/niệu quản qua nội soi	I	2.768.000	
18	Nội soi hông lưng lấy sỏi thận	I	2.658.000	
	THỦ THUẬT			
19	Quang đông đáy mắt bằng laser	II	292.000	
20	Dùng Laser YAG, sóng cao tần, E-light điều trị các tổn thương da tại mắt và mặt	II	190.000	
21	Kháng sinh đồ Lao	ĐB	626.000	
22	Cho ăn qua ống thông dạ dày	III	92.000	

23	Đặt catheter tĩnh mạch trung ương qua tĩnh mạch nền	I	596.000	
24	Đặt catheter tĩnh mạch trung ương qua ngã rốn	I	804.000	
25	Điều trị bệnh da bằng ngâm tắm	III	34.000	
26	Phun Ni tơ lỏng điều trị bệnh da	III	56.000	
27	Chăm sóc da bệnh lý và thẩm mỹ bằng VLTL	III	75.000	
28	Tiêm nội sọ	III	99.000	
29	Bơm rửa ống dẫn lưu Keher	III	180.000	
30	Rửa màng tim	I	1.276.000	
	KỸ THUẬT			
31	Xét nghiệm Chlamydia (test nhanh)		60.000	
32	Test SLE		55.000	
33	Chụp cắt lớp võng mạc OTC		142.000	
34	Chụp mạch huỳnh quang đáy mắt		152.000	
35	Khối hồng cầu rửa 250ml		70.000	Chưa bao gồm giá khối hồng cầu
36	Khối hồng cầu rửa 350ml		70.000	
37	Khối hồng cầu rửa 450ml		70.000	
38	Xét nghiệm EV71 test nhanh (Chẩn đoán tay chân miệng)		80.000	
39	Test nhanh tìm kháng thể sốt rét		90.000	
40	Test nhanh tìm HP		110.000	
41	Test nhanh tìm kháng thể viêm gan (HbsAb)		48.000	
42	Test nhanh HbeAg		48.000	
43	Test nhanh HbeAb		48.000	

44	Kỹ thuật latex trong dịch não tủy		285.000	
45	Test nhanh chẩn đoán Anti HAV (IgM)		110.000	
46	Test nhanh chẩn đoán Rubella (IgM)		105.000	
47	Test nhanh chẩn đoán Rubella (IgG)		105.000	
48	Tìm tế bào LE trong máu		28.000	
49	Men Cholinesterase		45.000	
50	Nhuộm soi tìm nấm		34.000	
51	Anti CCP		164.000	
52	Test nhanh kháng thể kháng lao		80.000	
53	Tìm độc chất PARAQUAT		50.000	
54	Định týp viêm gan C		410.000	
55	Tế bào Block Cell		80.000	
56	DOUBLE TEST		232.000	
57	TRIPLE TEST		250.000	
58	Định týp HPV		264.000	
59	Chẩn đoán sơ sinh		264.000	
60	HBV kháng LAMIVUDINE		348.000	
61	ProBNP		260.000	
62	Procalcitonin (máu)		180.000	
63	ANTI-TPO (TPOAb)		92.000	
64	Xét nghiệm nhanh INR		64.000	
65	Mô phỏng lập kế hoạch điều trị 2D thuộc chuyên khoa: Xạ trị		282.000	

66	Mô phỏng lập kế hoạch điều trị 3D thuộc chuyên khoa: Xạ trị		1.765.000	
	DỊCH VỤ KHÁC			
67	Sắc thuốc		6.000	
68	Khám chỉ định tiêm ngừa		4.000	
69	Kỹ thuật áp lạnh		200.000	
70	Kỹ thuật VIA		8.000	
71	Kỹ thuật Mantoux		30.000	